

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24- 7- 2020

*“V/v tranh chấp ly hôn
và quyền nuôi con”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Sô Tha.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Tím

2. Bà Thạch Kim Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Chế Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú:* Ông Trầm Văn Mừng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc *“Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bảo Tr (Nh), sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1990 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Lưu Cừ 1, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho anh Trần Văn T là ông Trần Văn H, sinh năm 1963 và bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1963 (là cha mẹ ruột của anh T) -. Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2020 và bản tự khai ngày 22/5/2020 của nguyên đơn chị Phạm Thị Bảo Tr trình bày: Do quen biết nhau trước nên chị và anh Trần Văn T tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh ngày 17/11/2010. Sau ngày cưới vợ chồng chị về sống bên cha mẹ chồng tại ấp L, xã L, huyện Trà Cú, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau đến tháng 01 năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường cự cãi nhau do anh Tài không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ, con. Đến tháng 4/2015 vợ chồng lên thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm nhưng anh vẫn chứng nào tật nấy, vì thương con muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình nên cố gắng chịu đựng mong ngày anh thay đổi nhưng không có kết quả, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đã về nhà cha mẹ ruột và sống ly thân từ tháng 12 năm 2015 cho đến nay, từ lúc ly thân hai bên không có tạo điều kiện hàn gắn. Nhận thấy vợ chồng ly thân đã lâu không thể hàn gắn được, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc cho nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T

Về con chung tên Trần Thị TM, sinh 13/01/2012 muốn sống với ai thì người đó nuôi, bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T: Trong quá trình thụ lý Tòa án có thông báo triệu tập họp lệ cho anh Tài nhưng anh T không có ý kiến trình bày, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án do anh T bị tai nạn giao thông chấn thương sọ não, bị liệt 01 bên tay trái và 01 bên chân phải nên đi đứng bất tiện và không làm văn bản trình bày ý kiến được, Tòa án tiến hành ghi lời khai anh T có bà Đ là mẹ ruột đại diện chứng kiến, anh T đồng ý ly hôn và đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho anh Trần Văn T trình bày:

Ông Trần Văn H trình bày: Ông là cha ruột của T và ông biết việc chị T yêu cầu ly hôn với T vì Tòa án đến nhà thông báo. Khi vợ chồng T chung sống với nhau không có mâu thuẫn nhưng từ khi T bị tai nạn giao thông cách nay khoảng 05 năm thì Tr bỏ đi cho đến nay và nộp đơn ly hôn, hiện tại sức khỏe của T bị yếu do ảnh hưởng khi bị tai nạn giao thông bị chấn thương sọ não, không làm việc được, bị liệt 01 bên tay trái và 01 bên chân phải, nói chuyện không nghe rõ. Ông đại diện cho gia đình không yêu cầu Tòa án tuyên bố T bị hạn chế năng lực hành vi và đồng ý là người giám hộ cho T.

Về hôn nhân đồng ý cho Tài được ly hôn với Tr. Về con chung của T tên Trần Thị TM, sinh 13/01/2012 từ trước đến nay sống chung với gia đình ông, hàng ngày vợ chồng nuôi cháu Trần Thị TM nên ông đại diện gia đình yêu cầu được nuôi cháu M, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Ngô Thị Đ thống nhất lời trình bày của ông Trần Văn H là đồng ý cho T được ly hôn với Tr; về con chung của T và Tr tên Trần Thị TM, sinh 13/01/2012, bà yêu cầu được quyền nuôi cháu vì cháu sống với gia đình từ nhỏ, gia đình không yêu cầu tuyên bố T mất năng lực hành vi dân sự, đồng ý là người giám hộ cho T.

Ý kiến cháu Trần Thị TM, sinh 13/01/2012 cháu muốn sống với cha và ông bà nội là Trần Văn H và Ngô Thị Đ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do bị đơn anh Trần Văn T có nơi cư trú tại ấp L, xã L, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bảo Tr và anh Trần Văn T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 17/02/2007, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay chị Tr trình bày vợ chồng chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường cự cãi nhau nên vợ chồng ly thân từ tháng 12 năm 2015 đến nay hai bên không ai tạo điều kiện hàn gắn, anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nên chị Tr quyết định ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không có mặt tại tòa do sức khỏe yếu ảnh hưởng đến hệ thần kinh khi bị chấn thương sọ não, bị liệt 01 bên tay trái và 01 bên chân phải, nói chuyện không nghe rõ khi bị tai nạn giao thông. Tòa án tiến hành ghi lời khai anh T có sự chứng kiến của bà Đ là mẹ ruột của anh T thì anh T cũng thống nhất ly hôn nhưng có nguyện vọng xin được nuôi con chung tên Trần Thị TM, sinh 13/01/2012 và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải. Do đó yêu cầu ly hôn của chị Tr là có căn cứ chấp nhận

[3] Về con chung: Trần Thị TM, sinh 13/01/2012 sau khi ly hôn chị Tr thống nhất giao con cho anh T và ông bà nội nuôi theo nguyện vọng của con. Như vậy các đương sự đã thỏa thuận trong việc nuôi con và sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật nên chấp nhận giao con cho anh T và ông bà nội nuôi theo nguyện vọng của con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T không yêu cầu chị Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận sự tự nguyện này của anh T.

[4] Chị Phạm Thị Bảo Tr là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Bảo Tr, cho chị Phạm Thị Bảo Tr được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị TM, sinh 13/01/2012 cho anh Trần Văn T, ông Trần Văn H và bà Ngô Thị Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu TM đủ 18 tuổi (đây cũng là ý chí, nguyện vọng của cháu TM được sống với cha và ông bà, nội). Chị Phạm Thị Bảo Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr và anh T xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Bảo Tr phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nên được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Trang đã nộp tại biên lai số 0008827 ngày 23/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên chị Tr không phải nộp tiếp.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sơn Thị Sô Tha

